

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

### 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : Shell Spirax S2 ATF D2

Mã sản phẩm : 001D8297

#### Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : Công Ty Shell Vietnam TNHH  
LẦU 7, CAO ỐC VĂN PHÒNG KUMHO ASIANA PLAZA  
39 LÊ DUẨN, QUẬN 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Vietnam

Điện thoại : +84 8 38240300

Telefax : +84 8 38257603

Điện thoại khẩn cấp : +84 8 38257602 (TRONG GIỜ LÀM VIỆC)

#### Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : Dầu truyền động

### 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

#### Phân loại theo GHS

Dựa trên dữ liệu hiện có, chất / hỗn hợp này không đáp ứng tiêu chí phân loại.

#### Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không Yêu Cầu Ký Hiệu Nguy Hiểm

Lời cảnh báo : Không có cảnh báo bằng chữ viết

Cảnh báo nguy hiểm : **TÁC HẠI VẬT LÝ:**  
Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.  
**TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:**  
Không thuộc loại nguy hại đối với sức khỏe theo tiêu chuẩn của GHS.  
**TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:**  
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa :

**Biện pháp phòng ngừa:**  
Không có khuyến cáo.

**Biện pháp ứng phó:**  
Không có khuyến cáo.

**Lưu trữ:**  
Không có khuyến cáo.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

### Việc thải bỏ:

Không có khuyến cáo.

### Các nguy cơ khác không có trong GHS

Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy. Dầu mỡ đã qua sử dụng có chứa các thành phần gây hại. Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

### 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Bản chất hóa học : Dầu khoáng tinh chế và các chất phụ gia.  
Theo tiêu chuẩn IP346 thì dầu khoáng tinh chế chứa ít hơn < 3% chiết xuất DMSO.
- : \* có nhiều số CAS sau đây: 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-65-0, 68037-01-4, 72623-86-0, 72623-87-1, 8042-47-5, 848301-69-9.

### Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ [%]
Alkyl methacrylates copolymer	Không được chỉ định	Eye Irrit.2A; H319	1 - 3
Dầu gốc có độ nhớt có thể thay đổi được (<20,5 mm <sup>2</sup> /s @ 40°C) *	Không được chỉ định	Asp. Tox.1; H304	0 - 90

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường.  
Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần phải xin chỉ dẫn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.  
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa mắt với nhiều nước.  
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.  
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

- 
- |  |  |
|--|--|
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa   | : Nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn, tuy nhiên, vẫn nên xin chỉ dẫn y tế.   |
| Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm | : Các dấu hiệu và triệu chứng acne hay viêm nang lông do dầu, cũng có thể bao gồm sự hình thành các vết hoặc các mụn đen trên vùng da bị tiếp xúc.<br>Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy. |
| Bảo vệ người sơ cứu  | : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.  |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị  | : Xử lý theo triệu chứng.  |
- 

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- |  |  |
|--|--|
| Các phương tiện chữa cháy phù hợp              | : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa hoạn nhỏ.  |
| Các phương tiện chữa cháy không phù hợp        | : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.  |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy             | : Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm:<br>Phức hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói).<br>Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn.<br>Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định.  |
| Các phương pháp cứu hỏa cụ thể                 | : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.   |
| Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa | : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469). |
- 

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- |   |   |
|---|---|
| Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp | : Tránh tiếp xúc với da và mắt.   |
| Các biện pháp phòng ngừa về môi trường  | : Sử dụng các chất có khả năng giữ để tránh làm ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay chảy vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất, hay các vật chắn thích hợp |

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

khác.

Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch. : rất trơn, khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức  
Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác.  
Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm.  
Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.

Lời khuyên bổ sung khác : Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này  
Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

### 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Cảnh báo Chung : Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu.  
Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da.  
Tránh hít phải khí và/hay sương.  
Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp, vận chuyển phù hợp.  
Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.

Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.

Vận chuyển Sản phẩm : Vật liệu này có khả năng là một chất tích điện tĩnh. Phải áp dụng các thủ tục tiếp đất và liên kết thích hợp trong khi thực hiện các hoạt động chuyển hàng rời.

#### Lưu trữ

Các dữ liệu khác : Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát.  
Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách.

Tồn chứa ở nhiệt độ bình thường

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao.  
Vật liệu không phù hợp: PVC

Lời khuyên về Thùng chứa : Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

#### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	STEL (Hơi sương)	10 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Tỷ lệ hít vào)	5 mg/m <sup>3</sup>	Các giá trị ngưỡng giới hạn trong ACGIH của Hoa Kỳ
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	(Hơi sương)	10 mg/m <sup>3</sup>	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	OSHA Z-1
	Không được chỉ định	TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH

#### Giới hạn phơi nhiễm sinh học nghề nghiệp

Không có giới hạn về sinh học.

#### Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods <http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods <http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances <http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany. <http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

### Các biện pháp kỹ thuật

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:  
Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

Thông tin chung:

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

### Thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

Bảo vệ hô hấp

: Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này.  
Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.  
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp.  
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.  
Chọn một bộ lọc thích hợp với hợp chất gồm khí và hơi hữu cơ [Loại A/P với nhiệt độ sôi >65°C (149°F)].

Bảo vệ tay  
Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay.

Bảo vệ mắt

: Nếu va đập hoặc bắn tóe theo chiều cao của mắt, thì khuyến cáo dùng kính bảo hộ hoặc kính chắn gió.

Bảo vệ da và cơ thể

: Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.  
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.

Các mối nguy do nhiệt

: Không Áp dụng

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Lời khuyên chung

: Thực hiện các biện pháp thích hợp để đáp ứng mọi yêu cầu

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

của cơ quan bảo vệ môi trường có liên quan. Tránh làm ô nhiễm môi trường bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trong Chương 6. Nếu cần, ngăn không cho vật liệu chưa được hòa tan chảy vào nước thải. Nước thải phải được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải đô thị hoặc công nghiệp trước khi thải vào nước bề mặt.  
Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: Dạng lỏng ở nhiệt độ thường.
Màu sắc	: màu đỏ
Mùi đặc trưng	: Hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	: Không có dữ liệu
Độ pH	: Không Áp dụng
điểm đông đặc	: -45 °C / -49 °F Phương pháp: ISO 3016
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: > 280 °C / 536 °F (Các) giá trị ước tính
Điểm chớp cháy	: 189 °C / 372 °F Phương pháp: ISO 2592
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Không có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ	: Khoảng 10 %(V)
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Khoảng 1 %(V)
Áp suất hóa hơi	: < 0.5 Pa (20 °C / 68 °F) (Các) giá trị ước tính
Tỷ trọng hơi tương đối	: > 1 (Các) giá trị ước tính
Tỷ trọng tương đối	: 0.849 (15 °C / 59 °F)
Mật độ	: 849 kg/m <sup>3</sup> (15.0 °C / 59.0 °F) Phương pháp: ISO 12185
Độ hòa tan	
Tính tan trong nước	: không đáng kể
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: Không có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: Pow: > 6 (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

---

Nhiệt độ tự bốc cháy	: > 320 °C / 608 °F
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: 34.6 mm <sup>2</sup> /s (40.0 °C / 104.0 °F) Phương pháp: ISO 3104
	7 mm <sup>2</sup> /s (100 °C / 212 °F) Phương pháp: ISO 3104
Đặc tính cháy nổ	: Không phân loại
Đặc tính ôxy hóa	: Không có dữ liệu
Tính dẫn	: Vật liệu này không được cho là bộ tích điện tĩnh.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có dữ liệu

---

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không có bất kỳ nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây.
Tính ổn định hóa học	: Ổn định.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: Phản ứng với các nguyên tố ôxy hóa mạnh Tránh bị nhiễm các chất cách nhiệt do gần bề mặt nóng bởi dầu và nhựa đường.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Các vật liệu xung khắc	: Các nguyên tố ôxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Những sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong điều kiện lưu trữ thông thường.

---

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá	: Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tình cờ

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

nuốt phải.

### Độc tính cấp tính

#### Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng

: LD50 chuột: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Được cho là có độc tính thấp:

Độc tính cấp do hít phải

: Ghi chú: Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường.

Độc tính cấp qua da

: LD50 Thỏ: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Được cho là có độc tính thấp:

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Được cho là kích ứng nhẹ., Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy.

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Được cho là kích ứng nhẹ.

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không gây mẫn cảm cho da .

### Biến đổi tế bào gốc

#### Sản phẩm:

: Ghi chú: Không được xem là có nguy cơ gây biến đổi gen.

### Độc tính gây ung thư

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có khả năng gây ung thư.

Ghi chú: Các sản phẩm có gốc dầu khoáng đã chứng tỏ không gây ung thư trên các nghiên cứu sơn trên da động vật., Dầu khoáng tinh chế cao không thuộc loại gây ung thư theo Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC).

Vật liệu	GHS/CLP Độc tính gây ung thư Phân loại
Dầu khoáng đã tinh lọc cao	Không phân loại có tính gây ung thư

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

---

### Độc tính đối với sinh sản

#### Sản phẩm:

:  
Ghi chú: Không được cho là làm mất khả năng sinh sản.,  
Không được cho là một chất độc phát triển.

### STOT - Tiếp xúc một lần

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có nguy hiểm.

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có nguy hiểm.

### Độc tính hô hấp

#### Sản phẩm:

Không bị cho là mối nguy hại đối với hô hấp.

### Thông tin khác

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dầu đã qua sử dụng có chứa những chất bẩn có hại tích lũy trong khi sử dụng. Nồng độ của những chất bẩn như thế tùy thuộc vào quá trình sử dụng và chúng có thể gây ra những nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường khi bị thải ra., Tất cả dầu xả nên được xử lý đúng cách, tránh và hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

Ghi chú: Kích ứng nhẹ hệ hô hấp.

---

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá : Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này.  
Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự.  
Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ. (LL/EL/IL50 là khối lượng danh nghĩa của sản phẩm được yêu cầu để chuẩn bị thử nghiệm chiết xuất dung dịch nước).

### Độc tính sinh thái

#### Sản phẩm:

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

---

Độc đối với cá (Độc tính cấp) :	Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với loài giáp xác (Độc tính cấp) :	Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc tính cấp) :	Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) :	Ghi chú: Không có dữ liệu
Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) :	Ghi chú: Không có dữ liệu
Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc tính cấp) :	Ghi chú: Không có dữ liệu

### Tính bền vững và phân hủy

#### Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Được cho là không sẵn sàng phân hủy., Các thành tố chính được cho là có khả năng phân hủy sinh hóa, nhưng sản phẩm chứa các thành phần và các thành phần này có thể tồn tại trong môi trường.

### Tiềm năng tích lũy sinh học

#### Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : Pow: > 6 Ghi chú: (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

### Tính biến đổi trong đất

#### Sản phẩm:

Tính lưu động : Ghi chú: Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường., Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó.  
Ghi chú: Nổi trên mặt nước.

### Các ảnh hưởng có hại khác

chưa có dữ liệu

#### Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Sản phẩm là một hỗn hợp không bay hơi, do vậy lượng thoát ra không khí không đáng kể., Không có nguy cơ phá hủy tầng ozone, không có nguy cơ tầng ozone bị quang hóa và không có nguy cơ làm trái đất ấm lên.  
Hỗn hợp khó hòa tan., Có thể gây tắc nghẽn vật lý đối với các sinh vật dưới nước.  
Dầu khoáng với nồng độ chưa đến 1 mg/l không gây ra tác hại lâu dài cho các sinh vật dưới nước.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

### 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.  
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng.  
Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.  
  
Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.  
Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm
- Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Công tác loại bỏ phải phù hợp với các quy định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.  
Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.
- Luật địa phương Ghi chú : Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

### 14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### ADR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

##### IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

##### IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

#### Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

- Nhóm ô nhiễm : Không Áp dụng  
Loại tàu : Không Áp dụng  
Tên sản phẩm : Không Áp dụng  
Cảnh báo đặc biệt : Không Áp dụng

#### Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

- Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử Lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phụng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

---

**Thông Tin Thêm**

: Caùc qui taéc MARPOL ñöôïc àp dụng cho vieäc vaän chuyeän moät löôïng löùn treân bieän.

---

### 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

#### Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 5, phần D của Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp ("Thông tư 12").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003 quy định danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các mặt hàng nguy hiểm; Thông tư 02/2004/TT-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003; Nghị định 29/2005/ND-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 108/2008/ ND-CP ngày 7 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc thực hiện Luật Hoá chất; Nghị định số 68/2005/ND-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Thông tư 12/2006 TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2005/ND-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Thông tư 04 /2012/ TT-BCT quy định về việc phân loại và ghi nhãn của hóa chất. Nghị định 89/2006/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa.

#### Các quy định quốc tế khác

#### Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

EINECS : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc trừ các chất polyme.  
TSCA : Tất cả các thành phần được liệt kê.

---

### 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

#### Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Asp. Tox. Nguy cơ hô hấp  
Eye Irrit. Kích ứng mắt

AICS - Kiểm kê Hóa chất Australia; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng sống; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; CPR - Các Quy định về Sản phẩm bị Kiểm soát; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Ôn hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành Tốt Phòng kiểm nghiệm thuốc; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - ồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Spirax S2 ATF D2

Phiên bản 1.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 23.05.2017

Ngày in 24.05.2017

với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chi-lê; NO(A)EC - Không quan sát thấy Nồng độ gây Tác dụng (phụ); NO(A)EL - Không quan sát thấy Mức độ gây Tác dụng (phụ); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức Phát triển và Hợp tác Kinh tế; OPPTS - Văn phòng Phòng chống Ô nhiễm và An toàn Hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Phi-lip-pin; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Bảng Chỉ dẫn An toàn; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

### Thông tin khác

- Tư vấn về đào tạo : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.
- Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng ( | ) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh ( sửa đổi) so với phiên bản trước đây.
- Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272/2008, v.v.).

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI